TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 7 - 2023
V/v ly hôn giữa chị P và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : Bà Nguyễn Thị Kim Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Hoàng Thị Thu Hường
Bà Nguyễn Thị Minh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Ngát – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2023/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 03 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2023, về việc ly hôn, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm: 1988; Nơi cư trú: TDP B, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm: 1983; Nơi cư trú: TDP B, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt chị P, anh N (chị P có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định vào ngày 30 tháng 12 năm 2005. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tháng 12 năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; Do vợ chồng không hiểu và thông cảm cho nhau, tháng 01 năm 2023 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2006; Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2011; Nguyễn Gia B, sinh ngày 08 tháng 08 năm 2014 (hiện cả 03 con đang ở cùng anh N), cháu T đã đến tuổi trưởng thành, có việc làm. Sau khi ly hôn chị N trí để anh N nuôi dưỡng cả 03 con.

Về tài sản, công nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn là anh Nguyễn Văn N trình bày: Về thời gian kết hôn đúng như chị P đã trình bày ở trên. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2022 vợ chồng sảy ra mâu thuẫn: Do chị P có quan hệ bất chính, vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 01 năm 2023 chị P bỏ nhà đi không quan tâm đến gia đình, cũng từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị P đề nghị xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không đồng ý ly hôn mà chỉ nhất trí ly thân.

Về con chung: Đúng như chị P đã trình bày ở trên, anh yêu cầu nuôi cả 03 con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: Vợ chồng có nợ bố mẹ anh và bố mẹ chị P nhưng anh không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án thì coi như không có nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đối với nguyên đơn, bị đơn; Từ khi thụ lý vụ án, chị P, anh N thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 BLTTDS.

- Về Nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX; Xử cho hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn N;

Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao các con Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2006; Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2011, Nguyễn Gia B, sinh ngày 08 tháng 08 năm 2014 (hiện cả 03 con đang ở cùng anh N) cho anh Nguyễn Văn N tiếp tục nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản: Chị P và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Khoản nợ: Chị P không yêu cầu giải quyết. Anh N anh có lời khai không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án thì coi như không có khoản nợ nên không xem xét giải quyết.

Án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Tòa án tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Văn N .

Chị Nguyễn Thị P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy việc Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị P là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227**,** khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn N kết hôn với nhau vào tháng 12 năm 2005, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Từ cuối năm 2022 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn; Anh N cho rằng: chị P có quan hệ bất chính nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tháng 01 năm 2023 vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Anh N có lời khai xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nhưng anh không nhất trí ly hôn.

Xét thực tế quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn N đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P là phù hợp.

[3] Về con chung: HĐXX xét thấy; Hiện cả 3 con đang ở với anh N, cháu Nguyễn Thị Ngọc T đã đến tuổi trưởng thành còn cháu Nguyễn Thị Ngọc C và Nguyễn Gia B đều có đơn nguyện vọng được ở với bố. Do vậy, để ổn định cuộc sống hiện tại cũng như việc học tập, chăm sóc giáo dục các con nên giao anh N tiếp tục có trách nhiệm nuôi dưỡng cả 03 con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản: Chị P, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Khoản nợ: Chị P không yêu cầu giải quyết. Anh N anh có lời khai không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án thì coi như không có khoản nợ nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn N.

2. Con chung: Giao anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm nuôi dưỡng 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2006; Nguyễn Thị Ngọc C, sinh ngày 01 tháng 08 năm 2011; Nguyễn Gia B, sinh ngày 08 tháng 08 năm 2014 (hiện cả 03 con đang ở cùng anh N), chấp nhận sự tự nguyện của anh N không yêu cầu chị P cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được đối trừ tiền dự thu án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0002221 ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh. Chị Nguyễn Thị P đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành ánd ân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Thu

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND TT N, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.